

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-ĐHNH, ngày 14 tháng 01 năm 2015

của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)

TP. HỒ CHÍ MINH - THÁNG 01/2015

Số: 14 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-NHNN ngày 26/02/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mô hình tổ chức, cơ cấu của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-ĐHNH ngày 18/6/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM về việc Ban hành quy chế tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM;

Căn cứ Quyết định số 12/2004/QĐ -TTg ngày 19/01/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 23/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh đào tạo sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, Phòng Đào tạo sau đại học, các khoa chuyên môn, giảng viên và học viên sau đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *an*

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, Phòng ĐTSĐHq



HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN, PGS., TS. LÝ HOÀNG ÁNH

QUY CHẾ

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh, bao gồm: tuyển sinh, chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Ngân hàng, Phòng Đào tạo sau đại học (đơn vị quản lý đào tạo), khoa chuyên môn, giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Quy chế này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài, do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành và/hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức đào tạo, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài do cơ sở đào tạo quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một năm rưỡi đến hai năm học. Các trường hợp đặc biệt phải nghỉ học tạm thời và được Hiệu Trưởng đồng ý theo Khoản 1, Điều 32 của Quy chế này có thể được xem xét kéo dài thời gian đào tạo, tuy nhiên, thời gian kéo dài không được quá 2 (hai) năm so với thời gian đào tạo được công bố chính thức.

CHƯƠNG II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam. Việc xét tuyển đối với người nước ngoài sẽ do Hiệu trưởng xem xét và quyết định trên cơ sở đánh giá và đề xuất của khoa chuyên môn.
2. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức từ 1 đến 2 lần mỗi năm. Hiệu trưởng căn cứ vào nhu cầu học tập và tình hình thực tiễn cụ thể của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh để xác định số lần tuyển sinh và thời điểm tuyển sinh của năm sau và báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 12 hàng năm.
3. Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh là trụ sở hoặc cơ sở của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh ghi trong hồ sơ đăng ký mở ngành và được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc tổ chức thi tuyển sinh ngoài địa điểm theo quy định này phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

4. Các quy định về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Điều 5. Các môn thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi, các môn thi theo từng ngành và chuyên ngành đào tạo do Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Hiệu trưởng”) xác định và được quy định chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm quy chế. Cụ thể như sau:

a) Môn ngoại ngữ và trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo do Hiệu trưởng quy định và được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của học viên trước khi bảo vệ luận văn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 28 Quy chế này.

b) Hai môn thi khác, trong đó có một môn cơ sở của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Mỗi môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

2. Các môn thi tuyển sinh, phương thức kiểm tra năng lực thí sinh quy định tại Khoản 1 Điều này phải được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, được đưa vào bản quy định chi tiết các nội dung Quy chế này của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức kiểm tra năng lực thí sinh do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo tuyển sinh.

3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 28 Quy chế này hoặc tương đương (Phụ lục 5) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm thẩm định về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi trình Hiệu trưởng công nhận tương đương theo qui định trình độ ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

4. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý do Hiệu trưởng xác định trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi

danh mục này do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

5. Ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng (xác định theo Khoản 1 và 2 Điều này) được trình bày cụ thể trong Phụ lục 3 – Ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần.

Điều 7. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 6 Quy chế này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi (Phụ lục 4 – Chương trình đào tạo bổ sung kiến thức). Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

2. Trên cơ sở đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Hiệu trưởng sẽ quyết định:

a) Việc học bổ sung kiến thức đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng do cơ sở đào tạo khác cấp hoặc bằng không thuộc hệ đào tạo chính quy, nếu thấy cần thiết;

b) Nội dung kiến thức cần học bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản này;

c) Tổ chức việc học bổ sung, công khai quy định về học bổ sung trên website của Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM.

Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy chế này;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 6 Quy chế này có thể đăng ký dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý thì phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi được quy định tại Điểm b Khoản 1, Điều 5 Quy chế này, do Hiệu trưởng quy định.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất ba tháng trước ngày thi tuyển sinh, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh ra thông báo tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh phải được niêm yết tại bảng tin và đăng trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; thông tin trên báo và đăng trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự thi; danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành đào tạo; các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm kiểm tra năng lực quy định tại Điều 5 Quy chế này (nếu có); môn thi hoặc kiểm tra được cộng điểm ưu tiên; hồ sơ đăng ký dự thi; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch thi tuyển; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh; khai giảng khóa học và thời gian đào tạo; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

Điều 11. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; việc lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh .

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi được công bố công khai trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh chậm nhất 3 tuần trước khi thi môn đầu tiên.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thường trực và các ủy viên.

a) **Chủ tịch hội đồng:** Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;

b) **Phó chủ tịch hội đồng:** Phó Hiệu trưởng;

c) **Ủy viên thường trực:** Trường hoặc Phó Phòng Đào tạo sau đại học;

d) **Các uỷ viên:** một số trường hoặc phó đơn vị (phòng, khoa, bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh do chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập, bao gồm: ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban chấm phúc khảo, ban cơ sở vật chất (nếu cần), sau đây gọi tắt là các ban của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, uỷ viên thường trực và các uỷ viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng.

Điều 13. Đề thi tuyển sinh

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:

a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

2. Dạng thức đề thi do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của trường đơn vị chuyên môn, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. Dạng thức đề thi môn ngoại ngữ phải đảm bảo xác định được trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). (Phụ lục 3 – Dạng thức của đề thi môn Anh văn).

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là tiến sĩ;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

d) Người ra đề không được là người đã hoặc đang phụ đạo, hướng dẫn ôn tập cho thí sinh.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập.

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh hoặc người được Chủ tịch hội đồng tuyển sinh ủy quyền trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

Khi nhận đề thi từ người giới thiệu đề thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh hoặc người được Chủ tịch hội đồng tuyển sinh ủy quyền ký giáp lai vào phong bì đề thi, đóng dấu niêm phong trước sự chứng kiến của người nộp đề thi và cất giữ theo quy trình bảo mật.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Nơi làm đề thi phải biệt lập, an toàn, bảo mật, kín đáo. Người làm việc trong khu vực phải có bảng tên và chỉ hoạt động trong phạm vi được phép được quy định cụ thể.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Hiệu trưởng quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo.

8. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm về công tác tổ chức ra đề thi theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hợp pháp của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; quyết định và chịu trách nhiệm về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác đề thi nhưng chưa được quy định.

Điều 14. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi được đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh.

Thời gian làm bài thi môn cơ bản và môn cơ sở chuyên ngành theo hình thức tự luận là 180 phút, theo hình thức trắc nghiệm là 90 phút. Thời gian làm bài môn ngoại ngữ phù hợp với dạng thức của đề thi do Hiệu trưởng quy định.

2. Khu vực thi phải được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/tối đa 30 thí sinh. Trước kỳ thi chậm nhất một tuần, Hội đồng tuyển sinh phải chuẩn bị xong địa điểm thi với đủ số phòng thi cần thiết, các phòng thi phải tập trung gần nhau, an toàn, yên tĩnh, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, đủ rộng để khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề cách nhau ít nhất 1,2 m.

3. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

4. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo quy định của Quy chế này.

Điều 15. Chấm thi tuyển sinh

1. Hiệu trưởng quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu cầu của việc chấm thi tuyển sinh. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trường ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng quy định của Quy chế này; phải kịp thời báo cáo với chủ tịch hội đồng tuyển sinh về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

Điều 16. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt ít nhất 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn cơ sở ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ

theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

Điều 17. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh báo cáo Hiệu trưởng kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Hiệu trưởng quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

2. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 18. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

4. Việc tổ chức thẩm định kết quả tuyển sinh được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

CHƯƠNG III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 19. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (xem Phục lục 7).

3. Các chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh với mục tiêu và cấu trúc chương trình cụ thể được trình bày trong Phụ lục 1.

Điều 20. Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có khối lượng kiến thức 60 tín chỉ với thời gian đào tạo 2 (hai) năm.

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có khối lượng kiến thức 60 tín chỉ với thời gian đào tạo 2 (hai) năm.

3. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở hoặc 45 - 60 giờ viết tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học. Một tiết học tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được tính bằng 50 phút.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

Điều 21. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: (i) kiến thức chung, (ii) kiến thức cơ sở và chuyên ngành, (iii) luận văn thạc sĩ.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ (nếu có)

a) Học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Học phần ngoại ngữ: căn cứ trình độ ngoại ngữ của người trúng tuyển và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 28 Quy chế này, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh quy định khối lượng học tập học phần ngoại ngữ phù hợp.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn.

3. Tùy theo chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn trong chương trình đào tạo (Phụ lục 1).

4. Luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu có khối lượng 15 tín chỉ.

5. Luận văn thạc sĩ theo định hướng ứng dụng có khối lượng 8 tín chỉ.

Điều 22. Xét chuyển điểm học phần

1. Học viên cao học trúng tuyển vào các chương trình thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có thể được xem xét chuyển điểm đối với các học phần mà học viên đã hoàn tất ở các chương trình sau đại học, bồi dưỡng kiến thức sau đại học hoặc tương đương của trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh hoặc đối với các học phần mà học viên đã hoàn tất ở các chương trình liên kết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh với một cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc chương trình đào tạo thạc sĩ của các trường đại học khác.

2. Việc chuyển điểm học phần sẽ được xem xét cho từng trường hợp cụ thể với 02 (hai) điều kiện sau: (1) Khối lượng của học phần đã học tương đương với khối lượng kiến thức của học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; (2) Bảng điểm cao học được cơ sở đào tạo liên quan cấp còn trong thời hạn 3 năm kể từ ngày hoàn thành chương trình liên quan đến ngày trúng tuyển vào chương trình thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

3. Phòng Đào tạo sau đại học thực hiện việc xét chuyển điểm và miễn môn học theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này và trình Hiệu trưởng ra quyết định.

Điều 23. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo. Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, việc xây dựng chương trình đào tạo phải có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực sử dụng lao động sau đào tạo.

2. Sau mỗi khoá học, Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh (nếu có) nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

3. Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần triết học theo đúng quy định, được Hội đồng khoa học đào tạo của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 24. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ là trụ sở hoặc cơ sở của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trong trường hợp cần thiết, đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh xin phép Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để được thực hiện tổ chức đào tạo một phần chương trình ở ngoài trụ sở hoặc cơ sở của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, kể cả tại phân hiệu của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (nếu có).

Điều 25. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.

2. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

Riêng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này.

3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

4. Đầu khóa học, Phòng đào tạo sau đại học phải thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi, thi lại; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có liên quan đến khóa học.

Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

5. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại cơ sở mình nhưng phải tổ chức giảng dạy (nếu học viên có nhu cầu) và đánh giá học phần theo quy định tại Khoản 4, Điều 26 của Quy chế này.

6. Phòng đào tạo sau đại học có trách nhiệm xem xét và đề xuất nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế... để trình Hiệu trưởng ra quyết định đầu tư (nếu có) nhằm đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho người học phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo.

7. Hiệu trưởng căn cứ vào quy định của Quy chế này và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành để quy định cụ thể việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thông qua đề cương chi tiết học phần; quy định việc tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Điều 26. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

e) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

f) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

3. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 28 Quy chế này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong các lần học.

4. Đối với học phần ngoại ngữ: Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Điểm b, Khoản 2, Điều 28 của Quy chế này, Phòng đào tạo sau đại học phối hợp với các đơn vị có liên quan (nếu có) tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả các học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh).

5. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ theo Điểm b, Khoản 2, Điều 28 của Quy chế này trong các trường hợp sau:

a) Thuộc quy định tại các điểm a, b, c Khoản 3, Điều 5 Quy chế này;

b) Thuộc quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 5 Quy chế này và chứng chỉ còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp luận văn theo quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

c) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép; trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu đạt từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; học viên được giảng dạy, viết và bảo vệ luận văn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

6. Hiệu trưởng căn cứ vào các quy định của Quy chế này và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành để quy định cụ thể các nội dung: tổ chức đánh giá học phần, số lần kiểm tra, điều kiện thi kết thúc học phần, trọng số điểm kiểm tra và điểm thi; sử dụng thang điểm 10 và/hoặc thang điểm chữ 5 bậc A, B, C, D, F (tương đương với năm loại: giỏi, khá, trung bình, trung bình yếu và kém) khi tính điểm học phần; học lại (bao gồm cả việc học lại đối với học phần đã đạt điểm 5,5 trở lên nếu học viên có nhu cầu và Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh chấp nhận); cách tính điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy).

Điều 27. Luận văn

1. Đề tài luận văn:

a) Đề tài luận văn do trưởng đơn vị chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và hội đồng xét duyệt đề tài/đề cương thông qua.

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của Trường Phòng Đào tạo sau đại học.

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và Trường Phòng Đào tạo sau đại học đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định.

2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

b) Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

e) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

3. Trên cơ sở đề nghị của Phòng đào tạo sau đại học, Hiệu trưởng quy định cụ thể cách thức trình bày luận văn theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến luận văn.

Điều 28. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn:

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

2. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Phòng đào tạo sau đại học nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy chế này;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

e) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

Điều 29. Hội đồng đánh giá luận văn

1. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Phòng đào tạo sau đại học, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Khoản 2, Điều 28 Quy chế này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 5 (năm) thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, 02 (hai) phản biện và 01 (một) uỷ viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

Đối với luận văn định hướng ứng dụng, trong số các thành viên hội đồng ngoài Trường Đại học Ngân hàng phải có tối thiểu một người đang làm công tác thuộc lĩnh vực của đề tài. Trường hợp không có người đang làm công tác thực tế đủ tiêu chuẩn thành viên hội đồng theo quy định trên thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài tham gia là ủy viên hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;

e) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Quy chế này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

Điều 30. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản

2, Điều 27 Quy chế này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm do Hiệu trưởng quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do Hiệu trưởng quy định hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới trên cơ sở đề xuất của Phòng đào tạo sau đại học. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Hiệu trưởng quy định chi tiết việc đánh giá luận văn; hồ sơ, thủ tục buổi bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện.

Điều 31. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy chế này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 29 Quy chế này; trong đó, nếu có thành viên thuộc Trường Đại học Ngân hàng

thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 30 Quy chế này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 30 Quy chế này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới trên cơ sở đề xuất của Phòng đào tạo sau đại học. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này thì học viên được

thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Khoản 2, Điều 28; Điều 29 và các khoản 1, 2, 4 Điều 30 Quy chế này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 32. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghỉ học tạm thời

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại nhà trường, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 hoặc tương đương và không bị kỷ luật. Học viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp, phải viết đơn gửi Phòng đào tạo sau đại học để trình Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này;

c) Hiệu trưởng quy định cụ thể thủ tục xin nghỉ, thẩm quyền cho nghỉ và việc tiếp nhận học viên trở lại học tập sau thời gian nghỉ học tạm thời.

2. Chuyển cơ sở đào tạo

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại cơ sở đào tạo, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này;

b) Điều kiện được chuyển cơ sở đào tạo: cơ sở đào tạo chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo của học viên phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng (cơ sở đào tạo nơi chuyển đi) và thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến;

c) Học viên không được chuyển cơ sở đào tạo khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

d) Hiệu trưởng quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến; thủ tục xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình của hai cơ sở đào tạo trên cơ sở báo cáo đánh giá và đề xuất của Phòng đào tạo sau đại học.

Điều 33. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2, Điều 28 Quy chế này;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, báo cáo chỉnh sửa có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 34 Quy chế này;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh quy định tại Khoản 9, Điều 36 Quy chế này;

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng đào tạo sau đại học. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc cấp phó được ủy quyền của Hiệu trưởng làm chủ tịch, Trưởng Phòng đào tạo sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

5. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này, có yêu cầu thi được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 34. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo

a) Tháng 12 hàng năm, Hiệu trưởng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau (Phụ lục 8);

b) Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

2. Lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

e) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA KHOA VÀ BỘ MÔN QUẢN LÝ MÔN HỌC

Điều 35. Nhiệm vụ và quyền hạn của khoa, bộ môn quản lý môn học

1. Quản lý về chuyên môn các môn học và cử giảng viên tham gia giảng dạy theo kế hoạch của Phòng Đào tạo sau đại học.
2. Xây dựng đề cương các môn học theo chuẩn đầu ra.
3. Đề xuất các định hướng nghiên cứu và chủ đề thảo luận phục vụ cho công tác tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ.

CHƯƠNG VI

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC, GIẢNG VIÊN, HỌC VIÊN

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn Phòng Đào tạo sau đại học

1. Xây dựng và đề nghị Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết các nội dung của Quy chế này, sau khi được Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua.

2. Xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch và phối hợp với các khoa và phòng ban tổ chức tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo.

3. Phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia để lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới khi có đủ điều kiện.

4. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

5. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định.

6. Có trách nhiệm lập và trình Hiệu trưởng ra quyết định về các nội dung như: danh sách thí sinh trúng tuyển, công nhận học viên, công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng điểm và cấp bằng.

7. Tổ chức việc cấp bằng và quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành.

8. Công bố công khai trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; toàn văn các luận văn đã bảo vệ đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn đang được nghiên cứu; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.

9. Phòng Đào tạo sau đại học thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định tại Điều 34 Quy chế này.

Điều 37. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

Giảng viên phải có những tiêu chuẩn sau đây:

- a. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
 - b. Đạt trình độ chuẩn được đào tạo được quy định cụ thể tại Khoản 2, 3 và 4 của Điều này;
 - c. Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy;
 - d. Lý lịch khoa học của bản thân đầy đủ và rõ ràng.
2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.
3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.
4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên ở trong nước và nước ngoài tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Nhiệm vụ của giảng viên:

a) Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan đến việc giảng dạy các học phần, hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài và luận văn thạc sĩ; theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài; tham gia các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ;

b) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

c) Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

d) Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

e) Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ thạc sĩ.

f) Thông báo bằng văn bản cho Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 28 Quy chế này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

g) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp các ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy chế này.

h) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền của giảng viên:

a) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của nhà nước và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

b) Có quyền hướng dẫn học viên theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 28 Quy chế này.

c) Có quyền từ chối không hướng dẫn học viên nếu đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 28 Quy chế này (thông báo bằng văn bản cho Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh trong các trường hợp từ chối hướng dẫn học viên).

d) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

e) Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình đang công tác;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Nhà trường.

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Nhiệm vụ của học viên:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

b) Trung thực và nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

c) Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

d) Tôn trọng các giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Không được dùng bất cứ áp lực nào đối với giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên để có kết quả học tập, nghiên cứu khoa học theo ý muốn chủ quan;

e) Giữ gìn và bảo vệ tài sản của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền của học viên:

a) Được quyền yêu cầu Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của mình;

b) Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cho việc học tập, nghiên cứu;

c) Được đề nghị Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn. Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm tổng hợp các tờ trình của học viên (nếu có) để trình Hiệu trưởng xem xét và giải quyết.

d) Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.

e) Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

f) Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

g) Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG VII

THANH TRA, KIỂM TRA,

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 40. Thanh tra, kiểm tra

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có trách nhiệm tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Điều 41. Khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 42. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh

Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính,

xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo

a) Học viên nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế này, Quy chế Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

Đối với các trường hợp: thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì Hiệu trưởng sẽ ra quyết định thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm;

b) Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật hiện hành; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Hiệu trưởng có trách nhiệm thông báo về việc xử lý vi phạm đối với thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương nơi người đó đang làm việc, cư trú.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Áp dụng Quy chế

1. Các khóa tuyển sinh được triển khai và ra thông báo từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 trở về trước thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo và Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 858B/2012/QĐ-ĐHNH.

2. Các khóa tuyển sinh được triển khai và ra thông báo từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 trở đi thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy chế này.

3. Quy chế này được áp dụng đối với các chương trình đào tạo thạc sĩ kể từ ngày ký và theo Khoản 1 và 2 Điều này. Mọi quy định trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

4. Việc điều chỉnh, bổ sung nội dung của Quy chế này do Hiệu trưởng Quyết định theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo sau đại học.

Điều 44. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Căn cứ vào các quy định của Quy chế này, Phòng Đào tạo sau đại học quy định chi tiết việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập; xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cho các ngành, chuyên ngành đã được cho phép hoặc giao nhiệm vụ đào tạo; đồng thời kiện toàn tổ chức đơn vị có liên quan và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác trước khi triển khai đào tạo theo quy chế này./.

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN, PGS., TS. Lý Hoàng Ánh

PHỤ LỤC 1
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

1.1 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU - MÃ SỐ: 60.34.02.01

1.1.1 Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng theo hướng nghiên cứu của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được thiết kế để cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, phương pháp nghiên cứu phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

1.1.2 Mục tiêu cụ thể

Học viên tốt nghiệp có năng lực và kỹ năng nghề nghiệp như sau:

- Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng;
- Có khả năng phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức tài chính - ngân hàng vào việc thực hiện các công việc tại các tổ chức tài chính như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm;
- Có thể đảm trách công việc của một chuyên viên phụ trách tài chính trong các doanh nghiệp;
- Có thể tiếp tục tham gia học tập ở chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành tài chính- ngân hàng.

1.1.3 Cấu trúc chương trình đào tạo

- Chương trình có thời lượng 60 tín chỉ
- Các môn học chiếm khoảng 75% thời lượng chương trình đào tạo (45 tín chỉ), bao gồm kiến thức chung (môn Triết học và môn tiếng Anh), phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành.
 - Học phần chung: 11.7%

- Học phần cơ sở: 23.3%
- Kiến thức ngành: 40%
- Luận văn thạc sĩ chiếm 25% thời lượng chương trình đào tạo (15 tín chỉ)
- Học phần tự chọn chiếm 30% thời lượng chương trình đào tạo

1.1.4 Nội dung chương trình

TT	MÃ SỐ		TÊN HỌC PHẦN	THỜI LƯỢNG			GHI CHÚ
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
			I. Các học phần chung	7			11.7%
1	PHI	501	Triết học	4	3	1	
2	ENG	501	Anh văn chuyên ngành	3	2	1	
			II. Các học phần cơ sở				23.3%
			1. Các môn bắt buộc	8			13.3%
1	ECO	505	Kinh tế lượng tài chính	3	2	1	
2	FIN	501	Thị trường tài chính (nâng cao)	2	1	1	
3	RME	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học (nâng cao)	3	2	1	
			2. Các môn tự chọn	6			10%
1	ECO	501	Các học thuyết kinh tế hiện đại	3	2	1	
2	ECO	503	Kinh tế vĩ mô (nâng cao)	3	2	1	
3	ECO	502	Kinh tế vi mô (nâng cao)	3	2	1	
4	LAW	501	Luật kinh doanh	3	2	1	
			III. Khối kiến thức chuyên ngành				40%
			1. Các môn bắt buộc	12			20%
1	FIN	502	Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	3	2	1	
2	FIN	503	Tài chính quốc tế (nâng cao)	3	2	1	
3	BAF	501	Quản trị ngân hàng thương mại (nâng cao)	3	2	1	
4	FIN	504	Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)	3	2	1	
			2. Các môn tự chọn	12			20%
1	FIN	505	Quản trị danh mục đầu tư (nâng cao)	3	2	1	
2	FIN	506	Quản trị dự án	3	2	1	
3	FIN	507	Định giá doanh nghiệp	2	1	1	
4	FIN	508	Tài chính vi mô	2	1	1	
5	FIN	509	Tài chính phái sinh	3	2	1	
6	ACC	501	Kế toán quản trị	2	1	1	
7	ACC	502	Kế toán - kiểm toán ngân hàng	3	2	1	

8	FIN	510	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2	1	1	
9	FIN	511	Tài chính hành vi	2	1	1	
10	FIN	512	Quản trị rủi ro tài chính	2	1	1	
11	FIN	513	Đầu tư tài chính	2	1	1	
12	BAF	502	Các chủ đề tài chính – ngân hàng đương đại	2	1	1	
			IV. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15			25%
			TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60			

1.2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG - MÃ SỐ: 60.34.02.01

1.2.1 Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được thiết kế để giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn, được huấn luyện kỹ năng hoạt động nghề nghiệp và quản lý trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, học viên có các năng lực và kỹ năng nghề nghiệp như sau:

- Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo;
- Có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc;
- Có khả năng thiết kế sản phẩm - dịch vụ và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng;
- Có khả năng phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức tài chính - ngân hàng vào việc thực hiện các công việc tại các tổ chức tài chính như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm;
- Có thể đảm trách công việc của một chuyên viên phụ trách tài chính trong các doanh nghiệp;
- Có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục tham gia học tập ở chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực tài chính -ngân hàng.

1.2.3 Cấu trúc chương trình đào tạo

- Chương trình có thời lượng 60 tín chỉ

- Các môn học chiếm khoảng 86.7% thời lượng chương trình đào tạo (52 tín chỉ), bao gồm kiến thức chung (môn Triết học và môn tiếng Anh), phân kiến thức cơ sở và chuyên ngành.
 - o Học phần chung: 11.7%
 - o Học phần cơ sở: 25%
 - o Kiến thức ngành: 50%
- Luận văn thạc sĩ chiếm 13.3 % thời lượng chương trình đào tạo (8 tín chỉ)
- Học phần tự chọn chiếm 40% thời lượng chương trình đào tạo

1.2.4 Nội dung chương trình

TT	MÃ SỐ		TÊN HỌC PHẦN	THỜI LƯỢNG			GHI CHÚ
	Phân chữ	Phân số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
			II. Các học phần chung	7			11.7%
1	PHI	501	Triết học	4	3	1	
2	ENG	501	Anh văn chuyên ngành	3	2	1	
			II. Các học phần cơ sở				25%
			3. Các môn bắt buộc	9			
1	QTM	501	Phương pháp định lượng	3	2	1	
2	RME	501	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	
3	FIN	500	Phân tích tài chính	3	2	1	
			4. Các môn tự chọn	6			10%
1	ECO	501	Các học thuyết kinh tế hiện đại	3	2	1	
2	ECO	503	Kinh tế vĩ mô (nâng cao)	3	2	1	
3	ECO	502	Kinh tế vi mô (nâng cao)	3	2	1	
4	LAW	501	Luật kinh doanh	3	2	1	
			III. Khối kiến thức chuyên ngành				50%
			3. Các môn bắt buộc	12			20%
1	FIN	502	Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	3	2	1	
2	FIN	503	Tài chính quốc tế (nâng cao)	3	2	1	
3	BAF	501	Quản trị ngân hàng thương mại (nâng cao)	3	2	1	
4	FIN	504	Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)	3	2	1	
			4. Các môn tự chọn	18			30%
1	FIN	505	Quản trị danh mục đầu tư (nâng cao)	3	2	1	
2	FIN	506	Quản trị dự án	3	2	1	
3	FIN	507	Định giá doanh nghiệp	2	1	1	

4	FIN	508	Tài chính vi mô	2	1	1	
5	FIN	509	Tài chính phái sinh	3	2	1	
6	ACC	501	Kế toán quản trị	2	1	1	
7	ACC	502	Kế toán - Kiểm toán ngân hàng	3	1	1	
8	FIN	510	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2	1	1	
9	FIN	511	Tài chính hành vi	2	1	1	
10	FIN	512	Quản trị rủi ro tài chính	3	2	1	
11	FIN	513	Đầu tư tài chính	2	1	1	
12	LAW	502	Luật tài chính-ngân hàng	2	1	1	
			IV. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	8			13.3%
			TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60			

1.3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU - MÃ SỐ: 60340102

1.3.1 Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có năng lực nghiên cứu và phát hiện các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh, có kỹ năng làm việc trong các tổ chức, các viện nghiên cứu và trường đại học.

1.3.2 Mục tiêu cụ thể

- Trang bị cho người học phương pháp tư duy khoa học, có kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết quản trị kinh doanh hiện đại và các kiến thức chuyên sâu cụ thể về các lĩnh vực như: Quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị rủi ro ...
- Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về quản trị kinh doanh trong các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học;
- Có thể tiếp tục theo học và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh.

1.3.3 Cấu trúc chương trình đào tạo

- Chương trình có thời lượng 60 tín chỉ
- Các môn học chiếm khoảng 76,7% thời lượng chương trình đào tạo (46 tín chỉ), bao gồm kiến thức chung (môn Triết học và môn tiếng Anh), phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành.
 - o Học phần chung: 11.7%

- Học phần cơ sở: 23.3%
- Kiến thức ngành: 40%
- Luận văn thạc sĩ chiếm 25% thời lượng chương trình đào tạo (15 tín chỉ)
- Học phần tự chọn chiếm 30% thời lượng chương trình đào tạo

1.3.4 Nội dung chương trình

TT	MÃ SỐ		TÊN HỌC PHẦN	THỜI LƯỢNG			GHI CHÚ
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
			I. Các học phần chung	7			11.7%
1	PHI	501	Triết học	4	3	1	
2	ENG	501	Anh văn chuyên ngành	3	2	1	
			II. Các học phần cơ sở				23.3%
			5. Các môn bắt buộc	8			13.3%
1	ECO	506	Kinh tế lượng ứng dụng	3	2	1	
2	RME	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học (nâng cao)	3	2	1	
3	MGT	501	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	2	0	
			6. Các môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)	6			10%
1	ECO	504	Kinh tế học quản lý	3	2	1	
2	MGT	502	Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1	
3	MGT	503	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1	
4	LAW	501	Luật kinh doanh	3	2	1	
			III. Khối kiến thức chuyên ngành				40%
			• Các môn bắt buộc	12			20%
1	MGT	504	Quản trị marketing (nâng cao)	3	2	1	
2	MGT	505	Quản trị chiến lược (nâng cao)	3	2	1	
3	MGT	506	Quản trị nguồn nhân lực (nâng cao)	3	2	1	
4	FIN	504	Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)	3	2	1	
			• Các môn tự chọn (chọn 6 trong 12 môn)	12			20%
1	MGT	507	Quản trị chất lượng nâng cao	3	2	1	
2	MGT	508	Quản trị rủi ro	3	2	1	
3	MGT	509	Quản trị tuân thủ	2	1	1	
4	MGT	510	Quan hệ công chúng	2	1	1	
5	MGT	511	Quản trị chuỗi cung ứng	2	1	1	
6	MGT	512	Quản trị thương hiệu	2	1	1	
7	BAF	501	Quản trị ngân hàng thương mại	2	1	1	
8	MGT	513	Marketing ngân hàng thương mại	2	1	1	

9	MGT	514	Quản trị thay đổi	2	1	1	
10	MGT	515	Hành vi tổ chức	2	1	1	
11	MGT	516	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	2	1	1	
12	MGT	517	Quản trị khủng hoảng	2	1	1	
13	ACC	501	Kế toán quản trị	3	2	1	
			IV. Luận văn tốt nghiệp	15			25%
			Tổng số tín chỉ	60			

1.4 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG - MÃ SỐ: 60340102

1.4.1 Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả. Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các doanh nhân và nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.4.2 Mục tiêu cụ thể

- Trang bị cho người học phương pháp tư duy khoa học, có tư duy chiến lược và các kỹ năng tác nghiệp cụ thể về các lĩnh vực như lãnh đạo tổ chức, quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị tài chính...
- Có khả năng làm việc độc lập ở vị trí quản lý từ cấp trung trở lên tại các doanh nghiệp;
- Có kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, được trang bị nền tảng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, biết thực hiện trách nhiệm của xã hội một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội;
- Có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục tham gia học tập ở chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

1.4.3 Cấu trúc chương trình đào tạo

- Chương trình có thời lượng 60 tín chỉ

- Các môn học chiếm khoảng 86.7% thời lượng chương trình đào tạo (52 tín chỉ), bao gồm kiến thức chung (môn Triết học và môn tiếng Anh), phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành.
 - o Học phần chung: 11.7%
 - o Học phần cơ sở: 25%
 - o Kiến thức ngành: 50%
- Luận văn thạc sĩ chiếm 13.3 % thời lượng chương trình đào tạo (8 tín chỉ)
- Học phần tự chọn chiếm 40% thời lượng chương trình đào tạo

1.4.4 Nội dung chương trình

TT	MÃ SỐ		TÊN HỌC PHẦN	THỜI LƯỢNG			GHI CHÚ
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
			I. Các học phần chung	7			11.7%
1	PHI	501	Triết học	4	3	1	
2	ENG	501	Anh văn chuyên ngành	3	2	1	
			II. Các học phần cơ sở				25%
			7. Các môn bắt buộc	9			15%
1	QTM	501	Phương pháp định lượng	3	2	1	
2	RME	501	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	
3	MGT	502	Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1	
			8. Các môn tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)	6			10%
1	ECO	504	Kinh tế học quản lý	3	2	1	
2	MGT	501	Các lý thuyết quản trị hiện đại	3	2	1	
3	MGT	503	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	2	1	
4	LAW	501	Luật kinh doanh	3	2	1	
			III. Khối kiến thức chuyên ngành				50%
			Các môn bắt buộc	12			20%
1	MGT	504	Quản trị marketing (nâng cao)	3	2	1	
2	MGT	505	Quản trị chiến lược (nâng cao)	3	2	1	
3	MGT	506	Quản trị nguồn nhân lực (nâng cao)	3	2	1	
4	FIN	504	Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)	3	2	1	
			3 Các môn tự chọn (chọn 6 trong 12 môn)	18			30%
1	MGT	507	Quản trị chất lượng (nâng cao)	3	2	1	
2	MGT	508	Quản trị rủi ro	3	2	1	
3	MGT	509	Quản trị tuân thủ	2	1	1	
4	MGT	510	Quan hệ công chúng	2	1	1	

5	MGT	511	Quản trị chuỗi cung ứng	2	1	1	
6	MGT	512	Quản trị thương hiệu	2	1	1	
7	BAF	501	Quản trị ngân hàng thương mại	2	1	1	
8	MGT	513	Marketing ngân hàng	2	1	1	
9	MGT	514	Quản trị thay đổi	2	1	1	
10	MGT	515	Hành vi tổ chức	2	1	1	
11	MGT	516	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	2	1	1	
12	MGT	517	Quản trị khủng hoảng	2	1	1	
13	ACC	501	Kế toán quản trị	3	2	1	
			IV. Luận văn tốt nghiệp	8			13.3%
			Tổng số tín chỉ	60			

PHỤ LỤC 2 **CÁC MÔN THI TUYỂN SINH**

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

1. CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Các môn thi tuyển gồm: môn ngoại ngữ, môn cơ bản, môn cơ sở của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, cụ thể như sau:

- a. Môn ngoại ngữ: Anh văn
- b. Môn cơ bản: Toán kinh tế
- c. Môn cơ sở: Lý thuyết tài chính - tiền tệ.

Dạng thức đề thi các môn thi tuyển:

- a. Anh văn: Trắc nghiệm kết hợp tự luận (xem Phụ lục 6)
- b. Toán kinh tế: Tự luận
- c. Lý thuyết tài chính - tiền tệ: Tự luận

2. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Các môn thi tuyển gồm: môn ngoại ngữ, môn cơ bản, môn cơ sở của ngành Quản trị kinh doanh, cụ thể như sau:

- a. Môn ngoại ngữ: Anh văn
- b. Môn cơ bản: Toán kinh tế
- c. Môn cơ sở: Quản trị học.

Dạng thức đề thi các môn thi tuyển:

- a. Anh văn: Trắc nghiệm kết hợp tự luận (xem Phụ lục 6)
- b. Toán kinh tế: Tự luận
- c. Quản trị học: Tự luận

PHỤ LỤC 3

NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

1. Ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Tài chính- Ngân hàng của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh bao gồm:
 - Tài chính -Ngân hàng
 - Ngân hàng
 - Tài chính
 - Tài chính - Tín dụng
2. Ngành/chuyên ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh bao gồm:
 - Tài chính doanh nghiệp
 - Tài chính nhà nước
 - Quản trị kinh doanh
 - Kinh doanh thương mại
 - Kinh doanh quốc tế
 - Ngoại thương
 - Thương mại quốc tế
 - Kế toán
 - Kế toán-Kiểm toán
 - Hệ thống thông tin quản lý
 - Quản lý kinh tế
 - Thẩm định giá
 - Kinh tế học
 - Kinh tế đầu tư
 - Kinh tế phát triển
 - Kinh tế quốc tế
 - Các chuyên ngành khác (không được liệt kê ở trên) được xem xét là ngành gần với điều kiện chương trình đào tạo của các ngành này và chương trình đào tạo của ngành tài chính –ngân hàng ở trình độ đại học

khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh bao gồm

- Quản trị kinh doanh
- Kinh doanh thương mại

4. Ngành/chuyên ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

- Tài chính – Ngân hàng
- Tài chính – Tín dụng
- Ngân hàng
- Tài chính
- Tài chính doanh nghiệp
- Tài chính nhà nước
- Kinh doanh quốc tế
- Ngoại thương
- Thương mại quốc tế
- Thẩm định giá
- Kế toán
- Kế toán - Kiểm toán
- Hệ thống thông tin quản lý
- Quản lý kinh tế
- Kinh tế học
- Kinh tế đầu tư
- Kinh tế phát triển
- Kinh tế quốc tế
- Các chuyên ngành khác (không được liệt kê ở trên) được xem xét là ngành gần với điều kiện chương trình đào tạo của các ngành này và chương trình đào tạo của ngành quản trị kinh doanh ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

PHỤ LỤC 4

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

1. ĐỐI VỚI CÁC THÍ SINH DỰ THI CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG:

STT	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1.	Lý thuyết tài chính, tiền tệ	3	
2.	Tín dụng ngân hàng	3	
3.	Tài chính doanh nghiệp	3	
4.	Marketing dịch vụ tài chính	3	

Chương trình bổ sung kiến thức này áp dụng đối với các đối tượng thí sinh sau:

- Tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành gần;
- Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng bằng do cơ sở đào tạo khác cấp hoặc bằng không thuộc hệ đào tạo chính quy;
- Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm.

2. ĐỐI VỚI THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH:

STT	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1.	Kinh tế học	3	
2.	Nguyên lý kế toán	3	
3.	Quản trị học	3	
4.	Marketing căn bản	3	
5.	Tài chính doanh nghiệp	3	
6.	Quản trị nguồn nhân lực	3	

Chương trình bổ sung kiến thức này áp dụng đối với các đối tượng thí sinh:

- Tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành gần;
- Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng bằng do cơ sở đào tạo khác cấp hoặc bằng không thuộc hệ đào tạo chính quy;

- Tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm;
- Tốt nghiệp đại học các ngành khác.

PHỤ LỤC 5
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ ANH VĂN
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

PHỤ LỤC 6
DẠNG THỨC CỦA ĐỀ THI MÔN ANH VĂN

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

PHẦN A: TỪ VỰNG VÀ ĐỌC HIỂU (55 điểm)

Phần 1: TỪ VỰNG VÀ VĂN PHẠM: 15 câu hỏi (15 điểm)

Yêu cầu: Mỗi câu viết bên dưới có 1 chỗ trống. Dưới mỗi câu là 4 gợi ý (từ hoặc cụm từ) ký hiệu A, B, C và D. Chọn gợi ý thích hợp nhất để điền vào chỗ trống trong câu.

Phần 2: ĐỌC HIỂU: 20 câu hỏi (30 điểm)

Yêu cầu: Đọc các đoạn văn cho sẵn. Dưới mỗi đoạn văn là các câu hỏi. Mỗi câu hỏi có kèm theo 4 gợi ý trả lời ký hiệu A, B, C và D. Lựa chọn gợi ý trả lời thích hợp nhất để trả lời cho từng câu hỏi.

Phần 3: CLOZE TEST (điền vào chỗ trống trong đoạn văn): 10 chỗ trống (10 điểm)

Yêu cầu: Đọc một bài đọc cho sẵn. Trong bài đọc có 10 chỗ trống. Bên dưới bài đọc là các gợi ý tương ứng với 10 chỗ trống trong bài. Gợi ý cho từng chỗ trống được ký hiệu A, B, C, và D. Lựa chọn gợi ý thích hợp nhất điền vào chỗ trống trong bài.

PHẦN B: VIẾT (45 điểm)

Phần 1: CHUYỂN ĐỔI CÂU: 10 câu hỏi (20 điểm)

Yêu cầu: Đọc các câu hoàn chỉnh được viết sẵn. Dưới mỗi câu hoàn chỉnh, thí sinh hoàn thành câu mới với một vài từ gợi ý bắt buộc. Câu hoàn thành của thí sinh phải mang ý nghĩa gần nhất so với câu viết phía trên.

Phần 2: VIẾT (25 điểm)

Yêu cầu: Đọc kỹ chủ đề cho sẵn. Viết một bài văn từ 120 đến 150 từ để trả lời câu hỏi nêu trong chủ đề hoặc viết bài văn nêu lên quan điểm cá nhân về chủ đề.

PHỤ LỤC 7
CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC
ĐỂ HOÀN TẤT ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN CHƯƠNG TRÌNH
NGHIÊN CỨU SINH NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI
CÁC THÍ SINH TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Kèm theo Quyết định số.../QĐ-ĐHNH, ngày ... tháng ... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

STT	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao (RME 502)	3	
2.	Kinh tế lượng tài chính (ECO 502)	3	
3.	Các chủ đề tài chính – ngân hàng đương đại (BAF 502)	3	

PHỤ LỤC 8

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-ĐHNH, ngày... tháng... năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC - ĐHNH

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Tình hình đào tạo trình độ thạc sĩ năm ... (năm hiện tại)

1. Số giảng viên cơ hữu là tiến sĩ, GS, PGS
(tổng số và theo từng ngành, chuyên ngành)

2. Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm ... (năm hiện tại)

Ngành, chuyên ngành	Chỉ tiêu Thông báo	Đăng ký dự thi	Trúng tuyển	Nhập học			Ghi chú
				Tập trung toàn bộ TG	Tập trung theo đợt	Tổng số	
...							
...							
Tổng số							

3. Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp

Khóa học	Số, ngày Quyết định công nhận trúng tuyển	Số học viên hiện có			Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm ... (năm sau)			Ghi chú
		Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	Tập trung toàn bộ thời gian	Tập trung theo đợt	Tổng số	

4. Đăng ký tuyển sinh năm ... (năm sau)

- Số lần tuyển sinh:
- Thời điểm tuyển sinh:
- Chỉ tiêu tuyển sinh:

HIỆU TRƯỞNG
(ký tên và đóng dấu)